| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN B**<br>**TỈNH BẮC KẠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 10/2020/QĐST-HNGĐ | B, *ngày 24 tháng 3 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2020/TLST - HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2020 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L. Sinh năm 1977. Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

* Bị đơn: Anh Tạ Văn S. Sinh năm 1983. Trú tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55;Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2020.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày16 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị L và anh Tạ Văn S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L và anh Tạ Văn S thuận tình ly hôn.

* *Về con chung*:Chị Nguyễn Thị L và anh Tạ Văn S có 01 con chung là Tạ Minh T, sinh ngày 28/3/2018, con khỏe mạnh phát triển bình thường. Sau ly hôn chị Loan được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về vay nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu 150.000$^{đ}$ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Loan đã nộp 300.000$^{đ}$ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 08736 ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chị Nguyễn Thị L được hoàn lại số tiền: 150.000$^{đ}$ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).Anh Tạ Văn S không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND H. B;
- Đương sự;
- UBND xã S, H. Đ, T. Thái Nguyên (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS H. B;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP;

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Triệu Thị Huyền**